

Số: /QĐ-SYT

Sóc Trăng, ngày tháng 12 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

#### GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG

*Căn cứ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP, ngày 11/10/2021 của Chính phủ Ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19";*

*Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế Ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP, ngày 11/10/2021 của Chính phủ Ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19";*

*Căn cứ Quyết định số 2750/QĐ-UBND, ngày 16/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Ban hành Quy định tạm thời các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" theo từng cấp độ dịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc Ủy quyền cho Sở Y tế Quyết định công bố phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y và ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phân loại cấp độ dịch COVID-19 để áp dụng các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

##### **1. Đối với cấp xã:**

- Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh): 19 đơn vị;
- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 28 đơn vị;
- Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 62 đơn vị.

##### **2. Cấp độ huyện, thị xã, thành phố:**

- Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh): 01 đơn vị.
- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 02 đơn vị.
- Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 08 đơn vị.

**3. Đối với cấp tỉnh:** Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam).

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Thời gian áp dụng từ **00 giờ, ngày 09 tháng 12 năm 2021**. Riêng đối với các đơn vị nếu chuyển từ cấp độ dịch thấp sang cấp độ dịch cao hơn thì thời gian áp dụng sau 48 giờ so với thời gian quy định tại Điều này.

**Điều 3.** Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng căn cứ phân loại cấp độ dịch COVID-19 tại Quyết định này để áp dụng các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 2750/QĐ-UBND, ngày 16/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh;
- TTCH PCD COVID-19 tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP; NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**BSCKII. Trần Văn Khải**

**PHỤ LỤC**  
**PHÂN LOẠI CẤP ĐỘ DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT, ngày 08/12/2021 của Sở Y tế)*

Stt	Đơn vị	Số ca mắc CD/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
<b>I</b>	<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>	<b>605</b>			<b>X</b>
1	Xã An Hiệp	818			<b>X</b>
2	Thị trấn Châu Thành	620			<b>X</b>
3	Xã Phú Tân	558			<b>X</b>
4	Xã An Ninh	457			<b>X</b>
5	Xã Hồ Đắc Kiên	255			<b>X</b>
6	Xã Phú Tâm	730			<b>X</b>
7	Xã Thiện Mỹ	25	<b>X</b>		
8	Xã Thuận Hòa	156			<b>X</b>
<b>II</b>	<b>HUYỆN CÙ LAO DUNG</b>	<b>47</b>	<b>X</b>		
9	Xã An Thạnh 1	67		<b>X</b>	
10	Thị trấn Cù Lao Dung	73		<b>X</b>	
11	Xã Đại Ân 1	25	<b>X</b>		
12	Xã An Thạnh 2	54		<b>X</b>	
13	Xã An Thạnh Nam	0	<b>X</b>		
14	Xã An Thạnh 3	51		<b>X</b>	
15	Xã An Thạnh Đông	14	<b>X</b>		
16	Xã An Thạnh Tây	33	<b>X</b>		
<b>III</b>	<b>HUYỆN KẾ SÁCH</b>	<b>488</b>			<b>X</b>
17	Xã Xuân Hòa	279			<b>X</b>
18	Thị trấn An Lạc Thôn	329			<b>X</b>
19	Xã Trinh Phú	218			<b>X</b>
20	Thị trấn Kế Sách	1622			<b>X</b>
21	Xã Thới An Hội	415			<b>X</b>
22	Xã An Lạc Tây	258			<b>X</b>
23	Xã An Mỹ	212			<b>X</b>
24	Xã Ba Trinh	131		<b>X</b>	
25	Xã Đại Hải	122		<b>X</b>	
26	Xã Kế An	487			<b>X</b>
27	Xã Kế Thành	953			<b>X</b>
28	Xã Nhơn Mỹ	272			<b>X</b>

Stt	Đơn vị	Số ca mắc CD/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
29	Xã Phong Năm	54		X	
<b>IV</b>	<b>HUYỆN LONG PHÚ</b>	<b>307</b>			<b>X</b>
30	Xã Tân Thạnh	184			X
31	Xã Long Đức	43	X		
32	Xã Tân Hưng	145		X	
33	Xã Long Phú	200			X
34	Xã Trường Khánh	492			X
35	Xã Hậu Thạnh	83		X	
36	Xã Châu Khánh	199			X
37	Thị trấn Đại Ngãi	307			X
38	Thị trấn Long Phú	391			X
39	Xã Phú Hữu	265			X
40	Xã Song Phụng	100		X	
<b>V</b>	<b>HUYỆN MỸ TÚ</b>	<b>294</b>			<b>X</b>
41	Xã Thuận Hưng	323			X
42	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	81		X	
43	Xã Mỹ Thuận	68		X	
44	Xã Mỹ Phước	56		X	
45	Xã Long Hưng	269			X
46	Xã Hưng Phú	71		X	
47	Xã Mỹ Hương	385			X
48	Xã Mỹ Tú	58		X	
49	Xã Phú Mỹ	561			X
<b>VI</b>	<b>HUYỆN MỸ XUYÊN</b>	<b>54</b>		<b>X</b>	
50	Xã Thạnh Quới	19	X		
51	Xã Đại Tâm	89		X	
52	Xã Tham Đôn	54		X	
53	Xã Thạnh Phú	46	X		
54	Xã Gia Hòa 2	18	X		
55	Thị trấn Mỹ Xuyên	90		X	
56	Xã Hòa Tú 2	8	X		
57	Xã Ngọc Đông	74		X	
58	Xã Ngọc Tố	27	X		
59	Xã Gia Hòa 1	30	X		

Stt	Đơn vị	Số ca mắc COVID/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
60	Xã Hòa Tú 1	10	X		
<b>VII</b>	<b>HUYỆN THẠNH TRỊ</b>	<b>283</b>			<b>X</b>
61	Thị trấn Phú Lộc	236			<b>X</b>
62	Xã Tuân Tức	9	X		
63	Thị trấn Hưng Lợi	573			<b>X</b>
64	Xã Thạnh Trị	281			<b>X</b>
65	Xã Lâm Tân	229			<b>X</b>
66	Xã Thạnh Tân	143		<b>X</b>	
67	Xã Vĩnh Lợi	19	X		
68	Xã Châu Hưng	82		<b>X</b>	
69	Xã Lâm Kiệt	173			<b>X</b>
70	Xã Vĩnh Thành	219			<b>X</b>
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN TRẦN ĐỀ</b>	<b>468</b>			<b>X</b>
71	Thị trấn Lịch Hội Thượng	481			<b>X</b>
72	Xã Tài Văn	426			<b>X</b>
73	Thị trấn Trần Đề	440			<b>X</b>
74	Xã Thạnh Thới Thuận	217			<b>X</b>
75	Xã Liêu Tú	292			<b>X</b>
76	Xã Thạnh Thới An	188			<b>X</b>
77	Xã Đại Ân 2	304			<b>X</b>
78	Xã Lịch Hội Thượng	421			<b>X</b>
79	Xã Trung Bình	566			<b>X</b>
80	Xã Viên An	236			<b>X</b>
81	Xã Viên Bình	361			<b>X</b>
<b>IX</b>	<b>THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG</b>	<b>505</b>			<b>X</b>
82	Phường 1	205			<b>X</b>
83	Phường 2	466			<b>X</b>
84	Phường 3	639			<b>X</b>
85	Phường 4	447			<b>X</b>
86	Phường 5	512			<b>X</b>
87	Phường 6	616			<b>X</b>
88	Phường 7	466			<b>X</b>
89	Phường 8	374			<b>X</b>
90	Phường 9	590			<b>X</b>

Stt	Đơn vị	Số ca mắc CD/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
91	Phường 10	296			<b>X</b>
<b>X</b>	<b>THỊ XÃ NGÃ NĂM</b>	<b>123</b>		<b>X</b>	
92	Phường 1	64		<b>X</b>	
93	Phường 2	142		<b>X</b>	
94	Phường 3	97		<b>X</b>	
95	Xã Mỹ Quý	26	<b>X</b>		
96	Xã Vĩnh Quý	62		<b>X</b>	
97	Xã Tân Long	183			<b>X</b>
98	Xã Long Bình	119		<b>X</b>	
99	Xã Mỹ Bình	139		<b>X</b>	
<b>XI</b>	<b>THỊ XÃ VĨNH CHÂU</b>	<b>206</b>			<b>X</b>
100	Xã Vĩnh Hải	28	<b>X</b>		
101	Xã Lạc Hòa	96		<b>X</b>	
102	Phường 1	307			<b>X</b>
103	Phường 2	204			<b>X</b>
104	Xã Hòa Đông	33	<b>X</b>		
105	Phường Khánh Hòa	358			<b>X</b>
106	Xã Vĩnh Hiệp	21	<b>X</b>		
107	Xã Lai Hòa	217			<b>X</b>
108	Phường Vĩnh Phước	213			<b>X</b>
109	Xã Vĩnh Tân	338			<b>X</b>
<b>TOÀN TỈNH</b>		<b>319</b>			<b>X</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>Cấp xã</b>		<b>19</b>	<b>28</b>	<b>62</b>
	<b>Cấp huyện</b>		<b>1</b>	<b>2</b>	<b>8</b>
	<b>Cấp tỉnh</b>				<b>1</b>